ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN NHẰM NÂNG CAO VĂN HÓA ĐỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Quốc Thanh
Trường Đại học Đồng Tháp
Email: ndquang@dthu.edu.vn

Tóm tắt: *Chuyển đổi số làm thay đổi cách sinh viên tìm, lựa chọn, kiểm chứng và sử dụng tri thức. Công tác tuyên truyền văn hóa đọc vì thế khó hiệu quả nếu vẫn dựa vào thông báo, trưng bày sách hoặc sự kiện theo thời điểm. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, bối cảnh chính sách và thực tiễn đã công bố tại Trường Đại học Đồng Tháp; đồng thời tổng hợp chọn lọc nghiên cứu về đọc số, năng lực thông tin và truyền thông thư viện đại học. Kết quả cho thấy đổi mới cần đi theo ba chuyển dịch: từ truyền tin một chiều sang tương tác và đồng sáng tạo; từ hoạt động rời rạc sang hành trình đọc liên tục; từ đo lượng tiếp cận sang đánh giá thay đổi hành vi và giá trị học tập. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình truyền thông đọc gồm năm khâu và bảy nhóm giải pháp. Theo đó, thư viện, giảng viên và sinh viên cùng kiến tạo hệ sinh thái đọc kết hợp tài liệu in, tài nguyên số và trải nghiệm cộng đồng.*

Từ khóa: *văn hóa đọc; truyền thông thư viện; sinh viên; chuyển đổi số; Trường Đại học Đồng Tháp*

INNOVATING COMMUNICATION TO ENHANCE THE READING CULTURE OF DONG THAP UNIVERSITY STUDENTS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: *Digital transformation changes not only where students read but also how they discover, select, verify, share, and use knowledge. In this context, university reading-promotion efforts are unlikely to be effective if they still rely mainly on announcements, book displays, or occasional events. This article examines the theoretical foundations, policy context, and publicly documented practices at Dong Thap University, while selectively synthesizing research on digital reading, information literacy, and academic-library communication. The findings point to three necessary shifts: from one-way dissemination to interaction and co-creation; from fragmented activities to a continuous reading journey; and from measuring reach to assessing behavioral change and learning value. Accordingly, the article proposes a five-stage reading-communication model and seven groups of solutions suited to the University's conditions. The approach positions librarians, lecturers, and students as co-creators of a reading ecosystem that connects print materials, digital resources, and community experiences.*

Keywords: *reading culture; library communication; university students; digital transformation; Dong Thap University*

Nhận bài: 19/07/2026 *Phản biện: 19/08/2026* *Duyệt đăng: 21/08/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đọc trong trường đại học chưa bao giờ chỉ là lật qua những trang sách. Đó là quá trình người học tự đặt câu hỏi, tìm bằng chứng, đối chiếu quan điểm rồi biến thông tin thành hiểu biết của mình. Khi việc đào tạo chuyển mạnh sang phát triển năng lực, tự học và học tập suốt đời, văn hóa đọc trở thành một phần của năng lực học thuật chứ không còn là một phong trào đứng bên lề chương trình đào tạo. Theo Luật Thư viện cũng xác định phát triển văn hóa đọc (VHĐ) là một nội dung quan trọng của hoạt động thư viện; Theo đó, Đề án phát triển VHĐ trong cộng đồng đến năm 2030 tiếp tục nhấn mạnh việc hình thành thói quen, nhu cầu, kỹ năng và phong trào đọc trong xã hội (Quốc hội, 2019; Chính phủ, 2017).

Trong bối cảnh số đem lại một nghịch lý khá rõ. Sinh viên (SV) tiếp cận kho tài liệu lớn hơn bất cứ thế hệ nào trước đây, nhưng sự dồi dào thông tin không tự động tạo ra việc đọc sâu. Màn hình mở cùng lúc nhiều cửa sổ; thông báo, video ngắn và thuật toán gợi ý liên tục giành sự chú ý. Tác giả Liu (2005) đã sớm nhận ra xu hướng đọc số thiên về lướt, tìm từ khóa, đọc chọn đoạn và giảm đọc tập trung kéo dài. Những tổng quan thực nghiệm sau đó cho thấy phương tiện đọc ảnh hưởng đến mức độ hiểu, khả năng tự đánh giá và cách điều chỉnh chiến lược đọc, nhất là với văn bản thông tin dưới áp lực thời gian (Clinton, 2019; Delgado & cs., 2018; Singer & Alexander, 2017). Điều cần lưu ý không phải là chọn giấy hay màn hình như hai phía đối lập. Vấn đề nằm ở chỗ giúp SV biết chọn phương tiện và cách đọc phù hợp với mục tiêu.

Mặt khác, Chương trình chuyển đổi số (CĐS) ngành thư viện và Đề án CĐS trong giáo dục đã đặt yêu cầu phát triển tài nguyên, dịch vụ trực tuyến, liên thông dữ liệu và năng lực sử dụng môi trường số. Điều đó cho thấy tuyên truyền VHĐ không thể chỉ là đưa hoạt động cũ lên mạng; mục

tiêu, nội dung, kênh và cách đánh giá đều cần được thiết kế lại (Chính phủ, 2021a, 2022).

Từ những vấn đề trên, bài viết hướng đến ba mục tiêu: làm rõ cách hiểu về VHĐ và công tác tuyên truyền trong môi trường số; nhận diện những vấn đề cần đổi mới từ thực tiễn của Trường Đại học Đồng Tháp; đề xuất mô hình và các giải pháp triển khai, theo dõi, điều chỉnh. Bài viết nay đề xuất việc tạo một khung tham chiếu đủ cụ thể để Nhà trường thiết kế thí điểm, sau đó kiểm chứng bằng dữ liệu sử dụng và phản hồi của người học.

II. TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Văn hóa đọc trong môi trường đại học số

VHĐ thường được nhận diện qua ba lớp gắn bó với nhau: nhu cầu và thái độ đối với việc đọc; thói quen và hành vi đọc; kỹ năng lựa chọn, lĩnh hội và sử dụng tài liệu. Cách hiểu này giúp tránh việc đồng nhất VHĐ với số cuốn sách đã mượn hoặc số lần đến thư viện. Một SV tải nhiều tài liệu nhưng không đánh giá nguồn, không theo dõi lập luận và không vận dụng được điều đã đọc thì vẫn chưa hình thành năng lực đọc học thuật vững chắc. Ngược lại, người biết xác định câu hỏi, chọn văn bản đáng tin, đọc có chiến lược, ghi chép, trao đổi và trích dẫn đúng đang thực hành VHĐ, dù họ sử dụng sách in, sách điện tử hay cơ sở dữ liệu.

Trong bối cảnh CĐS, cấu trúc ấy cần thêm một lớp năng lực mới: làm chủ môi trường thông tin. Khung năng lực thông tin của Association of College and Research Libraries nhấn mạnh rằng thẩm quyền được hình thành trong bối cảnh, thông tin được tạo ra qua những quá trình khác nhau, nghiên cứu là một hoạt động truy vấn và học thuật là một cuộc đối thoại (Association of College and Research Libraries, 2016). Theo UNESCO (2021) cũng đặt năng lực truyền thông và thông tin trong mối liên hệ với khả năng tiếp cận, đánh giá, tạo lập và tham gia có trách nhiệm. Nhìn từ đây, đọc số không chỉ là thao tác với thiết bị. Nó bao gồm tìm kiếm có chiến lược, kiểm chứng tác giả và bằng chứng, nhận biết thiên lệch, quản lý sự chú ý, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo mà không giao phó tư duy cho máy.

Các nghiên cứu về phương tiện đọc gợi ra một nguyên tắc thực tế: cần dạy SV cách đọc trên từng môi trường thay vì mặc định họ là "người bản địa số". Tổng quan của Clinton (2019), dựa trên 33 nghiên cứu thực nghiệm, ghi nhận lợi thế nhỏ của giấy đối với hiệu quả đọc và khả năng tự đánh giá; Nhóm tác giả Delgado và cộng sự (2018) cũng tìm thấy hiệu ứng bất lợi của màn hình rõ hơn khi người đọc bị giới hạn thời gian và xử lý văn bản thông tin. Kết quả này không phủ nhận giá trị của tài liệu số. Tài liệu số đem lại khả năng tìm kiếm, truy cập từ xa, hỗ trợ người khuyết tật và liên kết nguồn rất mạnh. Hàm ý giáo dục là phải tạo thói quen đọc chậm, ghi chú, tóm lược và tự kiểm tra mức hiểu, nhất là khi đọc những văn bản dài trên màn hình.

2.2. Từ tuyên truyền một chiều đến truyền thông đọc có tương tác

Trong hoạt động thư viện, tuyên truyền thường bao gồm giới thiệu sách, trưng bày, ngày hội đọc, nói chuyện chuyên đề, thi thuyết trình, hội nghị bạn đọc, tập huấn kỹ năng và gửi thông tin qua thư điện tử. Những hình thức truyền thống vẫn còn giá trị vì chúng tạo không gian gặp gỡ thật, cảm xúc chung và cơ hội để cuốn sách được nhìn thấy. Điểm cần đổi mới không phải là gạt bỏ chúng, mà là nối chúng vào hành trình trước - trong - sau sự kiện và mở rộng vai trò của SV từ người nhận sang người tham gia kiến tạo.

Nghiên cứu tổng quan mới về tiếp thị số trong thư viện đại học cho thấy các kênh như mạng xã hội, nội dung số, thư điện tử theo nhóm và phân tích dữ liệu làm tăng khả năng được nhìn thấy và mức độ gắn kết của dịch vụ thư viện; đồng thời nhấn mạnh nhu cầu phát triển năng lực truyền thông số cho cán bộ thư viện (Matumba & cs., 2026). Tuy nhiên, thư viện trường đại học khác một nhãn hàng thương mại. Mục tiêu sau cùng không phải tối đa hóa thời gian SV ở lại trên nền tảng, mà đưa họ từ nền tảng đến tài liệu, từ tài liệu đến suy nghĩ và từ suy nghĩ đến học tập có chất lượng.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu kết hợp tổng quan chọn lọc. Nguồn tư liệu gồm: (1) văn bản pháp luật và chính sách về thư viện, VHĐ và CĐS; (2) hướng dẫn quốc tế về năng lực thông tin; (3) các nghiên cứu có phản biện về đọc trên giấy và màn hình, hành vi đọc học thuật, truyền thông số trong thư viện đại học; (4) thông tin công khai trên cổng thông tin của Trường Đại học Đồng Tháp về hoạt động VHĐ, thư viện điện tử và định hướng CĐS.

Phân tích được tiến hành theo ba bước. Trước hết, nội dung của bài báo tham khảo được mã hóa thành các nhóm hoạt động truyền thống: sự kiện đọc, cuộc thi, diễn đàn, hội nghị bạn đọc, tập huấn năng lực thông tin và chia sẻ tài nguyên. Tiếp đó, các nhóm này được đối chiếu với yêu cầu

của môi trường số về tương tác, cá nhân hóa, liên thông kênh, năng lực kiểm chứng và đo lường. Sau cùng, bài viết xây dựng mô hình đề xuất theo logic đầu vào - quá trình - kết quả, đồng thời xác định chỉ báo ở bốn tầng: tiếp cận, tham gia, chuyển đổi sang hành vi đọc và giá trị học tập. Vì sử dụng dữ liệu thứ cấp, các nhận định về Trường Đại học Đồng Tháp được trình bày như phân tích tình huống và định hướng triển khai, không phải kết quả suy rộng thống kê cho toàn thể SV.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Nền tảng thực tiễn và những vấn đề cần giải quyết

Thông tin công khai năm 2021 cho thấy Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng đã tạo được một nền tảng tương đối đa dạng: tọa đàm sách, hội nghị bạn đọc, trưng bày, triển lãm, thi viết cảm nhận, không gian mở, thiết bị mượn - trả tự động, quản lý bằng RFID và bộ sưu tập tài liệu số. Báo cáo tại sự kiện năm đó ghi nhận 41.912 lượt bạn đọc trong năm 2020 và 1.939 nhan đề tài liệu số tại thời điểm công bố (Trường Đại học Đồng Tháp, 2021). Đây là số liệu lịch sử, không nên dùng để mô tả hiện trạng năm 2026, nhưng nó cho thấy Nhà trường không bắt đầu từ con số không. Cả hạ tầng vật chất, kinh nghiệm tổ chức sự kiện lẫn mối quan hệ giữa Trung tâm Học liệu và Hội SV đều đã hiện diện.

Nền tảng ấy đang gặp một bối cảnh khác trước. SV tiếp nhận thông tin qua nhiều dòng nội dung ngắn, nhu cầu giữa các ngành không giống nhau, còn tài liệu học thuật ngày càng phân tán giữa thư mục trực tuyến, kho số nội sinh, cơ sở dữ liệu thuê bao, tài nguyên giáo dục mở và các nguồn phổ thông. Nếu tuyên truyền dừng ở việc đăng poster, giới thiệu một đầu sách hoặc tổ chức sự kiện vào tháng 4, hoạt động tạo không khí nhưng khó duy trì hành vi. Khoảng cách lớn nhất nằm giữa "đã nhìn thấy" và "đã đọc", rồi giữa "đã đọc" và "đã dùng được".

Cơ hội hiện nay khá rõ. Hợp tác CĐS năm 2026 của Trường Đại học Đồng Tháp đề cập đến hạ tầng, lưu trữ đám mây, an toàn thông tin và tối ưu dịch vụ học đường (Trường Đại học Đồng Tháp, 2026). Nếu hoạt động đọc được đặt trong chương trình CĐS chung thay vì giao riêng cho thư viện, các kênh, tài khoản, dữ liệu và nhân lực truyền thông được phối hợp tốt hơn. VHĐ khi ấy trở thành một phần của môi trường giáo dục thông minh: SV gặp tài liệu đúng lúc trong học phần, được hướng dẫn đánh giá nguồn và có không gian để trao đổi về điều mình đọc.

4.2. Những chuyển dịch cốt lõi của công tác tuyên truyền

Kết quả phân tích cho thấy đổi mới không nên khởi đầu bằng câu hỏi "dùng thêm nền tảng nào", mà bằng câu hỏi "muốn thay đổi hành vi nào". Bảng 1 diễn đạt năm chuyển dịch quan trọng. Chúng không phủ nhận hoạt động đang có; chúng giúp mỗi hoạt động đi xa hơn một bước và nối được với hoạt động kế tiếp.

Bảng 1. Chuyển dịch trọng tâm trong công tác tuyên truyền VHĐ

Thành tố	Cách làm chủ yếu trước đây	Định hướng trong bối cảnh số
Mục tiêu	SV biết đến sách và hoạt động	SV tiếp cận, đọc, trao đổi và vận dụng tài liệu
Nội dung	Giới thiệu đầu sách hoặc sự kiện	Gói nội dung theo vấn đề học tập, có câu hỏi và đường dẫn hành động
Kênh	Website, bảng tin, email hoặc mạng xã hội rời rạc	Hệ kênh tích hợp, thông điệp nhất quán, điểm đến thống nhất
Chủ thể	Thư viện phát, SV nhận	Thư viện, giảng viên và SV đồng sáng tạo
Đánh giá	Số bài, lượt xem, người tham dự	Tiếp cận, tham gia, chuyển đổi hành vi và giá trị học tập

4.3. Mô hình truyền thông đọc năm khâu

Từ các chuyển dịch trên, bài viết đề xuất mô hình năm khâu: thấu hiểu - tuyển chọn - kể chuyện và phân phối - tương tác và hành động - đo lường và cải tiến. Đây là một vòng lặp. Sau mỗi chiến dịch, dữ liệu và phản hồi trở lại khâu đầu để nội dung kỳ sau gần nhu cầu hơn.

Thấu hiểu bắt đầu từ vấn đề học tập cụ thể: SV năm nhất khó tìm giáo trình ở đâu; nhóm làm khóa luận cần nguồn nào; người học ít dùng thư viện vì không biết dịch vụ hay vì nội dung chưa phù hợp? Khảo sát ngắn, câu hỏi tại quầy, từ khóa tìm kiếm không có kết quả và trao đổi với giảng viên đủ để phân nhóm nhu cầu mà không cần lập hồ sơ cá nhân quá sâu.

Tuyển chọn là phần thể hiện chuyên môn thư

viện. Mỗi chủ đề nên có một gói đọc nhỏ gồm tài liệu nhập môn, chuyên sâu, tiếng Việt, tiếng Anh, bản in và bản số khi có; kèm lý do chọn, mức độ khó và quyền truy cập. Tiếp đó, danh mục được kể lại bằng video ngắn, infographic, podcast hoặc bài viết, nhưng luôn dẫn đến hành động rõ: mượn sách, mở toàn văn, lưu thư mục hay đăng ký thảo luận.

Tương tác tạo lý do để SV ở lại với tài liệu. Câu lạc bộ theo ngành, buổi "một chương - một vấn đề", thử thách ghi chú hay giờ đọc cùng giảng viên chỉ thật sự có giá trị khi câu hỏi buộc người học xem xét luận điểm, bằng chứng và khả năng vận dụng. Đo lường là khâu cuối: không dừng ở lượt xem, mà theo dõi mức tham gia, truy cập tài liệu, quay lại và chất lượng sản phẩm học tập.

4.4. Bảy nhóm giải pháp đối với Trường Đại học Đồng Tháp

Thứ nhất, xây dựng chiến lược truyền thông đọc tích hợp theo năm học. Trung tâm Học liệu phối hợp với các đơn vị truyền thông, công tác SV, khoa, Đoàn Thanh niên và Hội SV để có lịch chủ đề chung: làm quen thư viện, đọc cho bài giữa kỳ, thực tập và khóa luận. Ngày Sách và VHĐ Việt Nam 21/4 là điểm nhấn, không phải hoạt động duy nhất trong năm (Chính phủ, 2021b).

Thứ hai, tổ chức nội dung theo ngành và giai đoạn học. Giảng viên cùng cán bộ thư viện lập thư mục môn học, chọn đoạn đọc then chốt và giải thích vì sao nguồn đáng tin. SV năm nhất cần kỹ năng tìm giáo trình; SV cuối khóa cần tổng quan nghiên cứu, cơ sở dữ liệu và trích dẫn. Gói đọc nên kết hợp bản in và số theo nhiệm vụ, vì lựa chọn phương tiện của SV thay đổi theo loại văn bản và mục tiêu học thuật (Aharony & Bar-Ilan, 2018).

Thứ ba, phát triển mạng lưới đại sứ đọc. SV được tập huấn tóm tắt trung thực, kiểm tra nguồn, tôn trọng bản quyền và tạo nội dung có liên kết. Tiếng nói đồng trang lứa làm thông điệp gần gũi; chuyên môn thư viện giữ cho thông điệp đáng tin. Cơ chế ghi nhận cần khuyến khích chất lượng đối thoại, không biến đại sứ thành lực lượng đăng bài theo chỉ tiêu.

Thứ tư, gắn truyền thông đọc với học phần. Nhật ký đọc, bản đồ khái niệm, phản biện hai nguồn, chú giải tài liệu hoặc nhiệm vụ truy tìm bằng chứng tạo động lực bền hơn lời kêu gọi chung. Trung tâm Học liệu chuẩn bị tài nguyên, giảng viên đặt câu hỏi và phản hồi, SV tạo sản phẩm. Với văn bản dài trên màn hình, cần đủ thời gian, yêu cầu ghi chú và tự kiểm tra mức hiểu (Clinton, 2019; Delgado & cs., 2018).

Thứ năm, chuyển tập huấn năng lực thông tin thành các mô-đun ngắn có thực hành: chọn từ khóa, đọc kết quả tìm kiếm, kiểm tra tạp chí, ghi chú số, quản lý tài liệu, nhận diện trích dẫn bịa và sử dụng AI nhưng phải quay về nguồn gốc. Mỗi mô-đun cần ví dụ theo ngành và phản hồi tức thời. Khung ACRL (2016) và UNESCO (2021) phù hợp để phát triển nội dung theo hướng truy vấn, đạo đức và trách nhiệm.

Thứ sáu, kết nối không gian vật lý với không gian số. Mã QR trên kệ dẫn tới thư mục, hướng dẫn hoặc bản số hợp pháp; bài đăng trực tuyến chỉ vị trí sách in; sự kiện trực tiếp được phát triển tiếp thành podcast và diễn đàn. Giao diện cần thân thiện với thiết bị di động, ít bước, đường dẫn ổn định và có phương án tiếp cận cho người dùng khuyết tật.

Thứ bảy, củng cố quản trị, dữ liệu và quan hệ đối tác. Nhà trường quy định rõ trách nhiệm nội dung, kiểm duyệt học thuật, bản quyền, bảo vệ dữ liệu và xử lý phản hồi. Cán bộ thư viện được bồi dưỡng kể chuyện số, phân tích kênh và thiết kế trải nghiệm; dữ liệu được tổng hợp ở mức cần thiết. phối hợp thư viện công cộng, nhà xuất bản, tác giả, cựu SV và các trường trong vùng để chia sẻ nguồn lực. Công cụ chỉ phát huy tác dụng khi đi cùng chiến lược và kỹ năng nhân sự (Matumba & cs., 2026).

4.5. Bộ chỉ báo đánh giá và lộ trình triển khai

Đánh giá theo bốn tầng. Tầng tiếp cận gồm người dùng duy nhất, tỷ lệ mở và truy cập trang đích. Tầng tham gia gồm lưu, câu hỏi, đăng ký và đóng góp nội dung. Tầng chuyển đổi gồm mở toàn văn, mượn tài liệu, hoàn thành gói đọc và quay lại. Tầng học tập sử dụng bài kiểm tra kỹ năng thông tin, rubric chất lượng nguồn và trích dẫn, phản tư của SV cùng nhận xét của giảng viên. Các chỉ báo phải được đọc cùng nhau; lượt xem cao nhưng ít truy cập tài liệu cho thấy lời mời hành động hoặc đường dẫn còn yếu.

Trong sáu tháng đầu, nên rà soát kênh, chọn hai nhóm SV và hai học phần để thí điểm. Giai đoạn 7-18 tháng mở rộng gói đọc theo ngành, đại sứ và học liệu vi mô. Giai đoạn 19-36 tháng mới tích hợp dữ liệu ở mức tổng hợp, nhân rộng mô hình hiệu quả và đánh giá tác động. Nếu có điều kiện, so sánh trước - sau hoặc giữa hai lớp tương đồng sẽ tạo bằng chứng tốt hơn khảo sát hài lòng đơn thuần.

V. KẾT LUẬN

Trong môi trường đại học số, nâng cao VHĐ không thể chỉ dựa vào lời kêu gọi đọc sách. SV cần gặp đúng tài liệu vào đúng thời điểm, hiểu vì sao tài liệu đáng đọc, có phương pháp để đọc sâu và có cộng đồng để trao đổi, vận dụng. Vì thế, đổi mới công tác tuyên truyền trước hết là đổi mới tư duy: từ phát thông tin sang thiết kế hành trình; từ sự kiện theo mùa sang hiện diện liên tục; từ thư viện làm một mình sang đồng kiến tạo với giảng viên, SV và các đơn vị; từ đếm hoạt động sang đánh giá thay đổi hành vi và giá trị học tập.

Bước đi phù hợp là thí điểm ở quy mô nhỏ, gắn với một số học phần và nhóm SV cụ thể, sau đó đánh giá bằng cả dữ liệu hành vi lẫn chất lượng sản phẩm học tập. Khi mỗi chiến dịch giúp SV đọc thêm một nguồn đáng tin, đặt thêm một câu hỏi tốt và sử dụng tri thức có trách nhiệm hơn, VHĐ đã bắt đầu chuyển từ khẩu hiệu thành năng lực sống của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Aharony, N., & Bar-Ilan, J. (2018). Students' academic reading preferences: An exploratory study. Journal of Librarianship and Information Science, 50(1), 3-13. https://doi.org/10.1177/0961000616656044

Association of College and Research Libraries. (2016). Framework for information literacy for higher education. https://www.ala.org/acrl/standards/ilframework

Clinton, V. (2019). Reading from paper compared to screens: A systematic review and meta-analysis. Journal of Research in Reading, 42(2), 288-325. https://doi.org/10.1111/1467-9817.12269

Delgado, P., Vargas, C., Ackerman, R., & Salmerón, L. (2018). Don't throw away your printed books: A meta-analysis on the effects of reading media on reading comprehension. Educational Research Review, 25, 23-38. https://doi.org/10.1016/j.edurev.2018.09.003

Liu, Z. (2005). Reading behavior in the digital environment: Changes in reading behavior over the past ten years. Journal of Documentation, 61(6), 700-712. https://doi.org/10.1108/00220410510632040

Matumba, M., Rajkoomar, M., & Phaladi, M. P. (2026). Digital marketing in academic libraries: A systematic literature review using PRISMA method. Digital Library Perspectives, 1-16. https://doi.org/10.1108/DLP-10-2025-0211

Quốc hội. (2019). Luật Thư viện, Luật số 46/2019/QH14. https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=198547&pageid=27160&typegroupid=3

Singer, L. M., & Alexander, P. A. (2017). Reading on paper and digitally: What the past decades of empirical research reveal. Review of Educational Research, 87(6), 1007-1041. https://doi.org/10.3102/0034654317722961

Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 329/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=188774&pageid=27160

Thủ tướng Chính phủ. (2021a). Quyết định số 206/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=202657&pageid=27160

Thủ tướng Chính phủ. (2021b). Quyết định số 1862/QĐ-TTg về việc tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=204408&pageid=27160

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=205236&pageid=27160

Trần Dương. (2018). Đa dạng hóa tuyên truyền hoạt động thông tin - thư viện nhằm nâng cao văn hóa đọc cho sinh viên tại Trường Đại học Hà Tĩnh. Thông tin và Tư liệu, 5, 17-23. https://scholar.google.com/citations?hl=vi&user=mkwoF9cAAAAJ

Trường Đại học Đồng Tháp. (2021, April 19). Chương trình tọa đàm về sách và Hội nghị bạn đọc lần 1, năm 2021. https://www.dthu.edu.vn/eView.aspx?idmn=0&idp=1136

Trường Đại học Đồng Tháp. (2026, August 7). Trường Đại học Đồng Tháp tăng cường hợp tác chiến lược với Viettel trong lĩnh vực chuyển đổi số. https://www.dthu.edu.vn/eView.aspx?idmn=0&idp=2300

UNESCO. (2021). Global standards for media and information literacy curricula development guidelines. https://www.unesco.org/sites/default/files/medias/files/2022/02/Global%20Standards%20for%20Media%20and%20Information%20Literacy%20Curricula%20Development%20Guidelines_EN.pdf